



**BẢN TIN
KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, THUẾ &
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**
Phát hành định kỳ hàng tháng

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Tầng 3 toà nhà ngân hàng Sacombank, đường Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
ĐT: 024 35568636 * Website : acacvn.com

VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 4, Lô LK1, KĐT ICC nối đường Lạch Tray với đường Hồ Sen, Cầu Rào 2, P. Đông Hải, Q. Lê Chân, TP Hải Phòng
ĐT: 0225 3736866 * Email : acacvn@acacvn.com



Anh

Tư Vấn & Kiểm Toán



Mã QR



Nội dung	Trang
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)	3-4
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	5-6
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (“TNCN”)	7
CÁC LOẠI THUẾ KHÁC	8-10
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	11-12
CÁC VĂN BẢN KHÁC	13

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

Kiến nghị về hoàn thuế GTGT

Theo Công văn số 13751/BTC-CST ngày 2/12/2021 của BTC, (1) Nội dung kiến nghị:

a) Đề nghị nghiên cứu trình sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (TTDB), Luật quản lý thuế, về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mở rộng như sau: Hiện tại, Luật chỉ quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mới đủ điều kiện theo quy định, chưa có quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mở rộng; để tạo thuận lợi về tài chính cho doanh nghiệp, đề nghị đưa quy định bổ sung được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mở rộng như sau: “Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT. Đối với dự án đầu tư mở rộng đồng thời phải đáp ứng một trong các tiêu chí quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và các văn bản hướng dẫn thi hành để được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo dự án đầu tư mở rộng.”. (Tiêu chí dự án đầu tư mở rộng quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN như sau:

“Dự án đầu tư mở rộng quy định tại điểm này phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Nguyên giá tài sản cố định tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động đạt tối thiểu từ 20 tỷ đồng đối với dự án đầu tư mở rộng thuộc lĩnh vực hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP hoặc từ 10 tỷ đồng đối với các dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.

- Tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định tăng thêm đạt tối thiểu từ 20% so với tổng nguyên giá tài sản cố định trước khi đầu tư.

- Công suất thiết kế khi đầu tư mở rộng tăng thêm tối thiểu từ 20% so với công suất thiết kế theo luận chứng kinh tế kỹ thuật trước khi đầu tư ban đầu.”).

b) Kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định về chuyển tiền ngoại tệ đối với trường hợp hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ vốn điều lệ như đã đăng ký (khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13), vì đã có trường hợp doanh nghiệp đầu tư nước ngoài khi chuyển tiền là ngoại tệ vào tài khoản đầu tư thì ngân hàng sẽ trừ phí chuyển tiền, dẫn đến không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký (ví dụ vốn đăng ký 1 triệu USD đã chuyển đi đủ nhưng chỉ vào tài khoản 999.000 USD do trừ phí chuyển tiền 1.000 USD) do đó không đủ điều kiện về vốn đầu tư khi cơ quan thuế hoàn thuế GTGT. Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định doanh nghiệp đầu tư nước ngoài được chuyển tiền vào tài khoản đầu tư mở tại ngân hàng Việt Nam đủ vốn đăng ký, kể cả phí chuyển tiền (nếu có) để doanh nghiệp đáp ứng được điều kiện góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký khi lập hồ sơ hoàn thuế GTGT.

(2) Bộ Tài chính trả lời

a) Đối với kiến nghị tại điểm a mục 1

Tại khoản 3 Điều 1 của Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế quy định:

“Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.”

Theo đó, đối với kiến nghị đề nghị bổ sung quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mở rộng theo tiêu chí đã được quy định tại Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn, Bộ Tài chính xin ghi nhận để nghiên cứu, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, sửa đổi Luật thuế GTGT vào thời điểm thích hợp theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Đối với kiến nghị tại điểm b mục 1

- Tại khoản 3 Điều 1 của Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế quy định:

“Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:

a) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký:...”

- Tại khoản 34 Điều 4 Luật doanh nghiệp quy định: Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần.

- Tại khoản 5 Điều 16 Luật doanh nghiệp quy định các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm: Kế khai không vốn điều lệ, không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị.

Căn cứ quy định nêu trên, cơ sở kinh doanh chỉ được xem xét hoàn thuế GTGT khi đã góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký.

Hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

Theo Công văn số 4815/TCT-KK ngày 9/12/2021 của TCT về hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Trường hợp Công ty A đề nghị hoàn thuế từ quý 1/2018 đến tháng 6/2021, trong đó chỉ có kỳ kê khai thuế quý 2/2020 và quý 3/2020 có phát sinh doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thì Cục Thuế kiểm tra, xác định chính xác số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa khấu trừ hết lũy kế đến hết quý 3/2020 đủ điều kiện hoàn để giải quyết hoàn thuế theo đúng quy định. Đối với số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào kỳ kê khai thuế từ quý 4/2020 đến hết tháng 6/2021 không phát sinh doanh thu xuất khẩu thì thực hiện chuyển khấu trừ tiếp vào các kỳ kê khai thuế tiếp theo

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

Chính sách ưu đãi thuế TNDN

Theo **Công văn số 4939/TCT-CS ngày 17/12/2021** về chính sách ưu đãi thuế TNDN. Liên quan đến áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư mở rộng của nhà đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có ý kiến tại công văn số 820/BKHĐT-ĐTNN ngày 9/2/2021 và công văn số 2008/BKHĐT-ĐTNN ngày 27/3/2020 chúng tôi trích dẫn dưới đây.

Khi có thay đổi nội dung tại Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thì chưa đủ cơ sở để áp dụng ưu đãi cho nhà đầu tư.

Việc xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với trường hợp dự án mở rộng được căn cứ theo quy định tại Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành theo từng thời kỳ.

Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư, và không thực hiện hoạt động đầu tư theo đúng nội dung trong hồ sơ đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) hoặc Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư được quy định tại khoản 4, 5 Điều 13 Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư. Ngoài ra, pháp luật về đầu tư không quy định nhà đầu tư có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thì không được hưởng ưu đãi đầu tư.

Theo mẫu II3 tại Phụ lục II, Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam, trong trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư sẽ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới (bao gồm cả các nội dung dự án đã được điều chỉnh), thay thế các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cấp. Theo quy định tại Khoản 9 Điều 39 Luật Đầu tư, nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sẽ bao gồm “ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và căn cứ, điều kiện áp dụng (nếu có)”

Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN

Theo **Công văn số 4952/TCT-CS ngày 17/12/2021** của TCT về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp cho các hoạt động phòng chống dịch COVID-19 - Để kịp thời hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đóng góp vào công tác phòng, chống đại dịch COVID-19, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/03/2021 hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19. Nghị định số 44/2021/NĐ-CP áp dụng cho kỳ tính thuế TNDN năm 2020 và năm 2021. - Theo quy định tại Nghị định số 44/2021/NĐ-CP, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ. Hồ sơ xác định khoản chi ủng hộ, tài trợ gồm có: Biên bản xác nhận ủng hộ, tài trợ; kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật của khoản ủng hộ, tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật.

Giá bán làm cơ sở xác định doanh thu

Theo **Công văn số 4668/TCT-CS** ngày 2/12/2021 của TCT về giá bán làm cơ sở xác định doanh thu, việc điều chỉnh giá bán WO3 giữa Công ty A và Công ty B là quyền quyết định của hai doanh nghiệp, tuy nhiên giá bán này cần phải thực hiện theo giá giao dịch thông thường trên thị trường và đảm bảo nguyên tắc độc lập theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 và quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2021 của Chính phủ. Khi phát sinh giao dịch liên kết, Công ty A kê khai giá giao dịch liên kết theo quy định pháp luật về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)

Thuế TNCN đối với khoản hiếu, hỷ của người lao động

Theo **Công văn số 54819/CTHN-TTHT** ngày 15/12/2021 của Cục thuế HN, các khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế, trừ các khoản chi sau:

Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động như: chi đám hiếu, hỷ của bản thân và gia đình người lao động; chi nghỉ mát, chi hỗ trợ Điều trị; chi hỗ trợ bổ sung kiến thức học tập tại cơ sở đào tạo; chi hỗ trợ gia đình người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, địch họa, tai nạn, ốm đau; chi khen thưởng con của người lao động có thành tích tốt trong học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết cho người lao động; chi bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tự nguyện khác cho người lao động (trừ Khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động hướng dẫn tại điểm 2.11 Điều này) và những Khoản chi có tính chất phúc lợi khác. Tổng số chi có tính chất phúc lợi nêu trên không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp

Trường hợp Văn phòng đại diện A tại Hà Nội phát sinh khoản chi đám hiếu, hỷ cho bản thân và gia đình người lao động nếu đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 11 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 và phù hợp với mức xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo điểm 2.30 khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 96/2015/TT-BTC (đã được sửa đổi tại khoản 4 Điều 3 Thông tư 25/2018/TT-BTC) thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động.

Chính sách thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) đối với khoản chi trả cho cá nhân cung cấp dịch vụ không thường xuyên

Theo **Công văn số 4910/TCT-DNNCN** ngày 15/12/2021 của TCT, trường hợp Công ty A chi trả dịch vụ cho cá nhân không kinh doanh thực hiện giao nhận hàng hóa cho khách hàng thì khoản chi trả này thuộc diện điều chỉnh của Luật thuế TNCN từ tiền lương, tiền công. Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo hướng dẫn tại điểm i, khoản 1, Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính: “ Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân.”

CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

04 chính sách về Thuế - Phí – Lệ phí có hiệu lực từ tháng 01/2022

1. Giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ khó khăn Covid-19

Đây là nội dung được đề cập tại Thông tư 120/2021/TT-BTC quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Theo đó, giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ khó khăn do Covid-19 gây ra, đơn cử như:

- Phí đăng ký giao dịch bảo đảm: Bằng 80% mức thu phí quy định tại điểm a, điểm b và điểm d Mục 1 Biểu mức thu phí tại Điều 4 Thông tư 202/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm; và bằng 80% mức thu phí quy định tại điểm c, điểm đ Mục 1 Biểu mức thu phí tại Điều 1 Thông tư 113/2017/TT-BTC sửa đổi Thông tư 202/2016/TT-BTC.
- Lệ phí cấp Căn cước công dân: Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Điều 4 Thông tư 59/2019/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân.
- Phí trong chăn nuôi: Bằng 50% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí trong chăn nuôi ban hành kèm theo Thông tư 24/2021/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.
- Phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt: Bằng 50% mức phí quy định tại Điều 3 Thông tư 295/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt.

Thông tư 120/2021/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022.

2. Cá nhân cho thuê tài sản có doanh thu dưới 100 triệu/năm không phải nộp thuế

Từ ngày 01/01/2022, Thông tư 100/2021/TT-BTC quy định cá nhân cho thuê tài sản có doanh thu dưới 100 triệu/năm không phải nộp thuế GTGT, TNCN.

Cụ thể, cá nhân chỉ có hoạt động cho thuê tài sản và thời gian cho thuê không trọn năm, nếu phát sinh doanh thu cho thuê từ 100 triệu đồng/năm trở xuống thì thuộc diện không phải nộp thuế GTGT, không phải nộp thuế TNCN.

Trường hợp bên thuê trả tiền thuê tài sản trước cho nhiều năm thì mức doanh thu để xác định cá nhân phải nộp thuế hay không phải nộp thuế là doanh thu trả tiền một lần được phân bổ theo năm dương lịch.

Hiện nay, phương pháp tính thuế đối với trường hợp này được quy định như sau:

Cá nhân cho thuê tài sản không phát sinh doanh thu đủ 12 tháng trong năm dương lịch (bao gồm cả trường hợp có nhiều hợp đồng cho thuê) thì mức doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống để xác định cá nhân cho thuê tài sản không phải nộp thuế GTGT, không phải nộp thuế TNCN là doanh thu tính thuế TNCN của một năm dương lịch (12 tháng); doanh thu tính thuế thực tế để xác định số thuế phải nộp trong năm là doanh thu tương ứng với số tháng thực tế phát sinh cho thuê tài sản.

Thông tư 100/2021/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

3. Lập hóa đơn không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc sẽ bị xử phạt.

Chính phủ ban hành Nghị định 102/2021/NĐ-CP sửa đổi các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập, trong đó bổ sung mức xử phạt đối với hành vi xử phạt hành vi lập hóa đơn không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc trên hóa đơn theo quy định.

Cụ thể, hành vi lập hóa đơn không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc trên hóa đơn theo quy định sẽ bị xử phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Ngoài ra, Nghị định còn sửa đổi quy định xử phạt hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn như sau:

- Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

+ Làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã phát hành, đã mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập;

+ Làm mất, cháy, hỏng hoá đơn đã lập (liên giao cho khách hàng) trong quá trình sử dụng, người bán đã kê khai, nộp thuế, có hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc mua bán hàng hóa, dịch vụ;

Trường hợp người mua làm mất, cháy, hỏng hóa đơn phải có biên bản của người bán và người mua ghi nhận sự việc.

+ Làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập nhưng chưa khai thuế (Nội dung mới bổ sung so với hiện hành);

Các bên liên quan phải lập biên bản ghi nhận việc mất, cháy, hỏng hóa đơn.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập, đã khai thuế trong quá trình sử dụng hoặc trong thời gian lưu trữ, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 26 Nghị định 125/2020/NĐ-CP.

Nghị định 102/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

4. Sửa quy định về lệ phí đăng ký hộ tịch

Đây là nội dung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 sửa đổi Thông tư 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo đó, sửa quy định về lệ phí đăng ký hộ tịch như sau:

Lệ phí hộ tịch là khoản thu đối với người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật, không bao gồm việc cấp bản sao trích lục hộ tịch (thu phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch theo quy định tại Thông tư 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016).

- Lệ phí hộ tịch đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, gồm: Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân); khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử); kết hôn (đăng ký lại kết hôn); nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước; cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác.

- Lệ phí hộ tịch đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, gồm: Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân); khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử); kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn); giám hộ, chấm dứt giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài; ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; đăng ký hộ tịch khác.

(Hiện hành: Đăng ký khai sinh được chia thành đăng ký khai sinh đúng hạn và đăng ký khai sinh không đúng hạn; Đăng ký khai tử được chia thành đăng ký khai tử đúng hạn và đăng ký khai tử không đúng hạn).

- Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương để quy định mức thu lệ phí phù hợp.

- Miễn, giảm lệ phí hộ tịch theo quy định tại Điều 10 Luật Phí và lệ phí và khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch. (Hiện hành chỉ căn cứ vào khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch để miễn, giảm lệ phí hộ tịch).

Thông tư 106/2021/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 10/01/2022.

VẤN ĐỀ KHÁC**Từ 01/01/2022, không bắt buộc sàn TMĐT khai thuế thay người bán**

Ngày 15/11/2021, Bộ Tài chính ban hành **Thông tư 100/2021/TT-BTC** sửa đổi Thông tư 40/2021/TT-BTC hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Theo đó, sửa đổi quy định về tổ chức kê khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 8 Thông tư 40/2021.

Cụ thể, tổ chức bao gồm cả chủ sở hữu Sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trên cơ sở ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự.

Hiện hành, Thông tư 40/2021/TT-BTC quy định chủ sàn thương mại điện tử thực hiện việc kê khai, nộp thuế thay cho người bán theo lộ trình của cơ quan thuế.

Như vậy, từ 01/01/2022, không còn quy định yêu cầu sàn thương mại điện tử nộp thuế thay người bán nếu người bán không ủy quyền.

Thông tư 100/2021/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

Quy định về chứng từ kế toán thuế nội địa

Đây là nội dung tại **Thông tư 111/2021/TT-BTC** về hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế nội địa ban hành ngày 14/12/2021.

Theo đó, chứng từ kế toán thuế (KTT) phải thực hiện theo đúng nội dung, phương pháp lập, ký chứng từ theo quy định của Luật kế toán và có đầy đủ thông tin theo khoản 2 Điều 12 Thông tư 111/2021/TT-BTC .

Chứng từ KTT phản ánh thông tin số phải thu, đã thu, còn phải thu, phải hoàn, đã hoàn, còn phải hoàn, miễn, giảm, khoan nợ, xóa nợ được lập trong các trường hợp sau:

+ Trường hợp cơ quan thuế phải điều chỉnh số liệu thu NSNN theo đề nghị của KBNN hoặc cơ quan có thẩm quyền mà thông tin điều chỉnh chỉ ảnh hưởng đến dữ liệu báo cáo KTT, không làm thay đổi nghĩa vụ thuế của người nộp thuế (NNT) trên Phân hệ quản lý nghĩa vụ NNT.

+ Trường hợp thay đổi về chính sách dẫn đến phải điều chỉnh dữ liệu báo cáo KTT mà không làm thay đổi nghĩa vụ thuế của NNT.

Danh mục, mẫu và phương pháp lập chứng từ KTT được quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư 111/2021.

Thông tư 111/2021/TT-BTC có hiệu lực từ 01/7/2022, áp dụng cho kỳ kế toán thuế năm 2022 và thay thế Quyết định 1544/QĐ-BTC ngày 07/7/2014, Quyết định 630/QĐ-BTC ngày 09/4/2015.

Tăng thời gian làm thêm tối đa với lao động thời vụ lên 40 giờ/tháng

Ngày 15/12/2021, Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành **Thông tư 18/2021/TT-BLĐTBXH** quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc sản xuất có tính thời vụ, công việc gia công theo đơn đặt hàng.

Theo đó, giới hạn giờ làm việc tiêu chuẩn và giờ làm thêm như sau:

- Tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn và số giờ làm thêm không quá 12 giờ/ngày;
- Tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn và số giờ làm thêm không quá 72 giờ/tuần; (Hiện hành là 60 giờ/tuần)
- Tổng số giờ làm thêm không quá 40 giờ/tháng; (Hiện hành là 32 giờ/tháng)
- Tổng số giờ làm thêm đối với mỗi người lao động không quá 300 giờ/năm.

Như vậy, kể từ ngày 01/02/2022, thời gian làm việc, làm thêm tối đa của người làm công việc thời vụ, công việc gia công theo đơn đặt hàng tăng 8 giờ/tuần và 8 giờ/tháng.

Thông tư 18/2021/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ 01/02/2022 và thay thế Thông tư 54/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/12/2015.

VĂN BẢN KHÁC

- ❖ Theo Công văn số 14275/BTC-TCT ngày 15/12/2021 của BTC về việc giải quyết kiến nghị của cử tri tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV
- ❖ Theo Công văn số 54827/CTHN-TTHT ngày 15/12/2021 của VPCP về việc áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng.
- ❖ Theo Công văn số 14233/BTC-CST ngày 14/12/2021 của VPCP về việc đề xuất các chính sách, biện pháp ưu đãi thuế, phí và lệ phí đối với hoạt động kinh tế ban đêm.
- ❖ Theo Công văn số 53949/CTHN-TTHT ngày 13/12/2021 của VPCP về việc thuế TNCN đối với khoản hỗ trợ phòng chống Covid 19.
- ❖ Theo Công văn số 53947/CTHN-TTHT ngày 13/12/2021 của VPCP về việc hình thức thể hiện hóa đơn thu hộ phí vận tải quốc tế và chi phí được trừ.